

QUYẾT ĐỊNH

V/v Quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 02/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Ngoại thương giai đoạn 2015-2017 (kéo dài theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017);

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tập tại cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ thỏa thuận giữa Trường Đại học Ngoại thương và Tài đoàn học bổng quốc tế Mabuchi ngày 01/09/2011;

Theo đề nghị của Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Phó Trường phòng phụ trách phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trường phòng Quản lý khoa học, Bí thư Đoàn thanh niên, Giám đốc Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo FTU.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Ngoại thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2396/QĐ-ĐHNT ngày 29/09/2021 của Trường Đại học Ngoại thương ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên hình thức đào tạo chính quy.

Điều 3. Các ông/bà Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Phó Trường phòng phụ trách phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trường phòng Quản lý khoa học, Bí thư Đoàn thanh niên, Giám đốc Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo FTU, Giám đốc Cơ sở II tại thành phố Hồ Chí Minh và Giám đốc Cơ sở Quảng Ninh, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên hình thức đào tạo chính quy trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT HĐQT, BGH (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC. ^{HLS}



PCS/ TS Bùi Anh Tuấn

**QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SINH VIÊN
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3986 /QĐ-ĐHNT ngày 29 tháng 10 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại thương)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên hình thức đào tạo chính quy, bao gồm: quỹ học bổng khuyến khích học tập; miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học; học bổng cho vay không lãi suất FTU-Mabuchi; hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên; hỗ trợ các hoạt động đoàn thể, hoạt động câu lạc bộ và hỗ trợ khác dành cho sinh viên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sinh viên* là sinh viên hình thức đào tạo chính quy hiện đang theo học tại các chuyên ngành đào tạo trong toàn trường (tại Trụ sở chính Hà Nội, Cơ sở II TP.HCM và Cơ sở Quảng Ninh).

2. *Câu lạc bộ (CLB)* bao gồm câu lạc bộ sinh viên tại Trụ sở chính và 2 cơ sở của Nhà trường do Nhà trường, tổ chức đoàn thể thành lập và đăng ký hoạt động với Nhà trường. CLB hoạt động dưới sự quản lý của Đoàn Thanh niên.

Đoàn Thanh niên sẽ là đơn vị đầu mối của các CLB để thực hiện thủ tục với Nhà trường và các đơn vị chức năng trong Trường. Đối với cuộc thi chuyên môn và nghiên cứu khoa học (NCKH), CLB có thể được bảo trợ bởi các Viện/Khoa chuyên môn.

3. *Tiềm lực khoa học công nghệ (KHCHN)* bao gồm nhân lực nghiên cứu khoa học, tài sản trí tuệ, trang thiết bị nhằm hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ KHCHN.

4. *Hoạt động khoa học công nghệ* bao gồm hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ KHCHN, áp dụng sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KHCHN.

5. *Cuộc thi chuyên môn* là cuộc thi về kiến thức và kỹ năng liên quan tới một hoặc nhiều lĩnh vực trong các chuyên ngành đào tạo hiện tại hoặc trong kế hoạch phát triển của Nhà trường.

6. *Khởi nghiệp* là việc bắt đầu một công việc kinh doanh, bao gồm khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp doanh nghiệp xã hội.

7. *Đổi mới sáng tạo* là việc tạo ra, ứng dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật và công nghệ, các giải pháp quản lý nhằm cải thiện hiệu quả của phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm và dịch vụ.

8. *Hoạt động nâng cao năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên* bao gồm các khoá đào tạo, tọa đàm, hội thảo, trại hè, hoạt động giao lưu, kết nối

mạng lưới đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của sinh viên, và các hoạt động khác nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và hoạt động đổi mới sáng tạo cho sinh viên.

Điều 3. Mục đích và quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích

Quy định này nhằm mục đích:

- a) Tạo điều kiện cho các sinh viên thuộc đối tượng chính sách, sinh viên nghèo, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tham gia học tập tại trường;
- b) Nâng cao năng lực của người học và thu hút sinh viên giỏi tham gia học tập tại trường;
- c) Khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên;
- d) Khuyến khích các sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu và hoạt động phong trào;
- e) Khuyến khích và hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên;
- f) Khuyến khích và phát triển hoạt động ngoại khóa góp phần đào tạo, phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên. Nhà trường định hướng phát triển hoạt động này trở thành một đặc thù, là một trong những thế mạnh nổi bật của Trường;
- g) Hỗ trợ các hoạt động khác của sinh viên phù hợp với triết lý giáo dục, chiến lược phát triển của Trường.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Xây dựng quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng văn bản; phù hợp các quy định của Nhà nước và đề án tự chủ của nhà trường về chính sách học bổng và hỗ trợ sinh viên; đảm bảo khả năng tiếp cận giáo dục đại học bình đẳng của người học và phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường và của sinh viên; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các đơn vị, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành quy định.

Điều 4. Nguồn hình thành và phạm vi áp dụng của các nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước

a) Nguồn kinh phí: Do ngân sách Nhà nước cấp để hỗ trợ cho các đối tượng chính sách. Nội dung miễn, giảm học phí thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Nội dung về hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tập tại các cơ sở giáo dục đại học; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Phạm vi áp dụng: Ngân sách nhà nước tài trợ cho phần miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng chính sách tính theo khung học phí Nhà nước quy định tại Chương III của Quy định này.

2. Nguồn kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sinh viên

Hàng năm, Nhà trường trích Quỹ hỗ trợ sinh viên từ lãi tiền gửi ngân hàng của Nhà trường, các nguồn thu khác của Nhà trường (nếu có) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức ngoài Trường.

a) Quỹ học bổng khuyến khích học tập

- Nguồn kinh phí: từ Quỹ hỗ trợ sinh viên.
- Phạm vi áp dụng: Quỹ học bổng khuyến khích học tập được dùng để cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy thuộc đối tượng quy định tại Chương II của Quy định này.

b) Kinh phí dành cho hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên

- Nguồn kinh phí: từ Quỹ hỗ trợ sinh viên.
- Phạm vi áp dụng: Ngân sách Nhà trường dành cho khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tài trợ cho các đối tượng quy định tại Chương VI của Quy định này.

c) Kinh phí hỗ trợ các hoạt động khác của sinh viên

- Nguồn kinh phí: từ Quỹ hỗ trợ sinh viên.
- Phạm vi áp dụng: Ngân sách Nhà trường dành để hỗ trợ các hoạt động khác của sinh viên tài trợ cho các đối tượng quy định tại Chương VII của Quy định này, và tài trợ cho phần chênh lệch miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tính theo khung học phí của Nhà trường và khung học phí Nhà nước cho các đối tượng thuộc diện chính sách quy định tại Chương III của Quy định này.

3. Nguồn kinh phí từ Quỹ học bổng FTU-Mabuchi

a) Nguồn kinh phí: Do Tài đoàn học bổng quốc tế Mabuchi (Nhật Bản) tài trợ.
b) Phạm vi áp dụng: Quỹ học bổng FTU-Mabuchi dành riêng tài trợ cho đối tượng quy định tại Chương V của Quy định này.

4. Nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

a) Nguồn kinh phí: từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.
b) Phạm vi áp dụng: Ngân sách Nhà trường dành cho sinh viên NCKH và cuộc thi chuyên môn tài trợ cho các đối tượng quy định tại Chương IV của Quy định này.

Điều 5. Nguyên tắc tiếp nhận tài trợ từ các cá nhân, tổ chức ngoài Trường

Việc tiếp nhận tài trợ từ các cá nhân, tổ chức ngoài Trường phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà tài trợ trong việc tài trợ học bổng, hỗ trợ người học vì mục đích khuyến học, khuyến tài, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và hỗ trợ các hoạt động khác của Nhà trường.

2. Đơn vị tiếp nhận học bổng, trợ cấp thương thảo với nhà tài trợ về các yêu cầu cụ thể đối với các bên liên quan, thống nhất với nhà tài trợ bằng văn bản tài trợ học bổng, trợ cấp.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Điều 6. Loại học bổng, mức học bổng và đối tượng xét chọn

1. Trường có các loại học bổng khuyến khích học tập (KKHT), cụ thể như sau:

a) *Học bổng A*: Học bổng dành cho sinh viên có kết quả học tập tốt;

b) *Học bổng B*: Học bổng tài năng, bao gồm Học bổng dành cho thủ khoa toàn quốc các tổ hợp trong Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông của năm tuyển sinh trúng tuyển vào Trường (Học bổng B1); Học bổng dành cho sinh viên thủ khoa đầu vào toàn trường (Học bổng B2); Học bổng dành cho sinh viên thủ khoa đầu vào Trụ sở chính Hà Nội & các cơ sở (Học bổng B3); Học bổng dành cho sinh viên thủ khoa tốt nghiệp Trụ sở chính Hà Nội & các cơ sở (Học bổng B4) và các trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của các đơn vị chức năng;

c) *Học bổng C*: Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt;

d) *Học bổng D*: Học bổng trong dịp Tết Nguyên đán dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt.

2. Các loại học bổng KKHT được cấp cho sinh viên đại học hình thức đào tạo chính quy thuộc chương trình đào tạo thứ nhất, học bổng được xác định riêng cho Trụ sở chính Hà Nội và từng cơ sở đào tạo của Trường.

Sinh viên thuộc đối tượng xét học bổng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện chung sau:

a) Được công nhận là sinh viên của một trong các chương trình đào tạo đại học hình thức đào tạo chính quy của trường;

b) Không bị kỷ luật từ mức khiển trách cấp trường trở lên trong học kỳ xét học bổng. Trong trường hợp bị kỷ luật trước đó, nếu thời gian có hiệu lực kỷ luật nằm trong thời gian xét cấp học bổng thì cũng không thuộc đối tượng xét, cấp học bổng;

c) Học bổng KKHT chỉ được xét cho sinh viên trong thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá (gồm 8 học kỳ chính, tương đương với 4 năm học) theo quy định của Trường. Trường hợp có học kỳ Hè thì điểm được tính vào trung bình chung học tập (TBCHT) học kỳ 2 của năm học đó. Thời gian nghỉ học tạm thời, kéo dài và thời gian học chương trình đào tạo thứ hai không được xét cấp học bổng;

d) Trường hợp sinh viên thuộc diện trợ cấp xã hội và sinh viên diện chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành, nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng theo Quy định này thì được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập như những sinh viên khác;

e) Trường hợp sinh viên khi tham gia chương trình trao đổi tại các trường đối tác theo quyết định cử đi của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương, được xét học bổng KKHT nếu đáp ứng các yêu cầu về các quy định xét học bổng của Trường.

3. Học bổng A và Học bổng C có ba mức: Mức học bổng Khá, Giỏi và Xuất sắc. Học bổng B1 được xác định một mức tương ứng với chương trình đào tạo mà sinh viên theo học; Học bổng B2, B3, B4 và D được xác định một mức cho mỗi loại.

a) Mức học bổng Khá: Cấp cho những sinh viên có xếp mức học bổng loại Khá.



b) Mức học bổng Giỏi: Mức học bổng cao hơn loại Khá, cấp cho những sinh viên có xếp mức học bổng loại Giỏi.

c) Mức học bổng Xuất sắc: Mức học bổng cao hơn loại Giỏi, cấp cho những sinh viên có xếp mức học bổng loại Xuất sắc.

Số tiền cho từng mức học bổng của từng loại học bổng sẽ được Trường quy định cụ thể cho từng năm học căn cứ vào mức học phí và quỹ học bổng khuyến khích học tập của từng năm học.

Xếp mức học bổng được xác định như sau:

Xếp mức học bổng	Điểm TBCHT	Đánh giá kết quả rèn luyện
Mức Xuất sắc	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Xuất sắc
Mức Giỏi	Giỏi (từ 8,0 đến cận 9,0)	Tốt, Xuất sắc
	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Tốt
Mức Khá	Khá (từ 7,0 đến cận 8,0)	Khá, Tốt, Xuất sắc
	Giỏi (từ 8,0 đến cận 9,0)	Khá
	Xuất sắc (từ 9,0 đến 10)	Khá

4. Sinh viên có thể nhận một hoặc nhiều hơn một loại học bổng, cụ thể như sau: Sinh viên nhận Học bổng A vẫn có thể được nhận thêm Học bổng B4, D, nhưng không được nhận thêm Học bổng C.

Sinh viên nhận Học bổng B1 chỉ có thể được nhận thêm Học bổng B4.

Sinh viên nhận Học bổng B2, B3, B4 vẫn có thể được nhận thêm Học bổng A, C, D, nhưng không được nhận thêm Học bổng B1.

Sinh viên nhận Học bổng C vẫn có thể được nhận thêm Học bổng B4, D, nhưng không được nhận học bổng thêm Học bổng A.

5. Học bổng A, C được xét cho từng học kỳ và được cấp cho 5 tháng/ học kỳ. Học bổng B, D được xét theo các đợt xét học bổng của năm học đó và được cấp theo từng đợt riêng biệt.

6. Điều kiện và quy định riêng cho từng loại học bổng

Ngoài các điều kiện chung ở trên, đối tượng được xét học bổng cần đáp ứng các điều kiện riêng cho từng loại học bổng:

a) Học bổng dành cho sinh viên có kết quả học tập tốt (Học bổng A)

Ngoài đáp ứng các điều kiện chung, sinh viên thuộc diện được xét học bổng A phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có kết quả học tập, đánh giá kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên;

Điểm TBCHT và điểm đánh giá kết quả rèn luyện được xác định theo quy định hiện hành của Trường; trong đó điểm TBCHT để xét học bổng theo Quy định này được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất tại kỳ xét học bổng (không tính điểm học cải thiện, học lại).

- Có tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu 15 tín chỉ/học kỳ (không tính số tín chỉ các học phần đã được hoãn thi trong kỳ xét học bổng), trừ học kỳ sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp thì không bị ràng buộc bởi quy định tối thiểu này. Đối với sinh viên

thực hiện học phần tốt nghiệp, điểm để xét học bổng KKHT là TBCHT tại kỳ xét bao gồm cả học phần tốt nghiệp.

Đối với sinh viên năm thứ nhất, trong trường hợp số tín chỉ Trường sắp xếp ít hơn 15 tín chỉ thì căn cứ vào số lượng tín chỉ đó để xét học bổng (sinh viên không tích lũy đủ số tín chỉ theo sự sắp xếp của Trường thì không đủ điều kiện xét học bổng).

Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.

Mức học bổng A được Trường quy định cụ thể cho từng năm học trên cơ sở đề xuất của Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quản lý Đào tạo và các đơn vị liên quan.

b) Học bổng tài năng (Học bổng B)

Ngoài đáp ứng các điều kiện chung, sinh viên thuộc diện được xét học bổng B phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Học bổng B1

Đối tượng xét cấp học bổng B1: Sinh viên thuộc diện xét cấp Học bổng B1 là Thủ khoa toàn quốc các tổ hợp thi trong kỳ thi trung học phổ thông của năm tuyển sinh trúng tuyển vào Trường. Thủ khoa toàn quốc các tổ hợp thi trong kỳ thi trung học phổ thông là các thí sinh có tổng điểm ba môn cao nhất của tổ hợp thi đó (không kể điểm ưu tiên).

Thời gian tối đa nhận học bổng: 04 năm học.

Sinh viên thuộc diện được xét học bổng B1 cho những năm học tiếp theo phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Từ năm thứ hai trở đi, điểm TBCHT năm học liền kề trước đó đạt từ 3.2 trở lên (tính theo thang điểm 4), trong đó điểm TBCHT để xét học bổng theo Quy định này được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học trong chương trình đào tạo lần thứ nhất (không tính điểm học cải thiện, học lại; không tính số tín chỉ các học phần đã được hoãn thi trong kỳ xét học bổng);

- Tích lũy số tín chỉ tối thiểu 30 tín chỉ/năm học của năm học liền kề trước đó;

- Đánh giá kết quả rèn luyện năm học liền kề trước đó từ loại Tốt trở lên;

Nếu tại thời điểm xét chọn học bổng, sinh viên không đạt một trong các điều kiện nêu trên sẽ bị dừng xét chọn học bổng năm học đó và những năm học tiếp theo.

Mức học bổng B1 bằng mức học phí sinh viên phải đóng theo đúng chương trình đào tạo thứ nhất sinh viên theo học.

(ii) Học bổng B2

Đối tượng xét cấp học bổng B2: Sinh viên là thủ khoa đầu vào toàn trường là những thí sinh trúng tuyển đầu vào với kết quả cao nhất toàn trường của từng phương thức tuyển sinh.

Trường hợp một phương thức xét tuyển/tổ hợp xét tuyển có nhiều sinh viên có điểm trúng tuyển đầu vào cao nhất bằng nhau thì tiếp tục căn cứ vào tiêu chí phụ là điểm môn Toán trong tổ hợp xét tuyển để xét chọn; trường hợp sinh viên thuộc các phương thức xét tuyển không có điểm môn Toán, thì dùng điểm thực tế của chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế hoặc trong nước để xét chọn; trường hợp sinh viên thuộc cùng phương thức xét tuyển nhưng khác đối tượng xét tuyển có cùng tổng điểm quy đổi cao nhất thì sử dụng điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để xét chọn.

Mức học bổng B2 được Trường quy định cụ thể cho từng năm học trên cơ sở đề xuất của Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quản lý Đào tạo và các đơn vị liên quan.

(iii) Học bổng B3

Đối tượng xét cấp học bổng B3: Sinh viên là thủ khoa đầu vào Trụ sở chính Hà Nội và các cơ sở là những thí sinh trúng tuyển đầu vào với kết quả cao nhất (không bao gồm điểm ưu tiên) của từng phương thức tuyển sinh của từng cơ sở. Riêng phương thức xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông thì xác định thủ khoa theo từng tổ hợp môn xét tuyển (trong đó tổ hợp D01 đến D06 được tính chung là một tổ hợp). Đối với Cơ sở Quảng Ninh chỉ xác định 01 thủ khoa có điểm đầu vào cao nhất.

Trường hợp một phương thức xét tuyển/tổ hợp xét tuyển có nhiều sinh viên có điểm trúng tuyển đầu vào cao nhất bằng nhau thì tiếp tục căn cứ vào tiêu chí phụ là môn Toán trong tổ hợp xét tuyển để xét chọn; trường hợp sinh viên thuộc các phương thức xét tuyển không có điểm môn Toán, thì dùng điểm thực tế của chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế hoặc trong nước để xét chọn; trường hợp sinh viên thuộc cùng phương thức xét tuyển nhưng khác đối tượng xét tuyển có cùng tổng điểm quy đổi cao nhất thì sử dụng điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để xét chọn.

Mức học bổng B3 được Trường quy định cụ thể cho từng năm học trên cơ sở đề xuất của Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quản lý Đào tạo và các đơn vị liên quan.

(iv) Học bổng B4

Đối tượng xét cấp học bổng B4: Thủ khoa tốt nghiệp Trụ sở chính Hà Nội và các cơ sở là những sinh viên có điểm tổng kết cao nhất theo khóa của từng chương trình đào tạo chất lượng cao/ định hướng nghề nghiệp quốc tế/ định hướng phát triển quốc tế và chương trình tiên tiến. Riêng đối với chương trình tiêu chuẩn, xác định thủ khoa tốt nghiệp theo ngành học.

Trường hợp một chương trình đào tạo có nhiều sinh viên đạt điểm tổng kết cao nhất theo thang điểm 4 bằng nhau thì tiếp tục căn cứ vào điểm tổng kết theo thang điểm 10 để xét chọn học bổng. Trường hợp sinh viên đạt điểm tổng kết theo thang 4 và thang 10 bằng nhau thì căn cứ vào điểm rèn luyện cuối khóa để xét chọn.

Mức học bổng B4 được Trường quy định cụ thể cho từng năm học trên cơ sở đề xuất của Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quản lý Đào tạo và các đơn vị liên quan.

c) Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt (Học bổng C)

Ngoài đáp ứng các điều kiện chung, sinh viên thuộc diện được xét học bổng C phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có kết quả học tập, đánh giá kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên;

Điểm TBCHT và điểm đánh giá kết quả rèn luyện được xác định theo quy định hiện hành của Trường; trong đó điểm TBCHT để xét học bổng theo Quy định này được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất tại kỳ xét học bổng (không tính điểm học cải thiện, học lại).

- Có tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu 15 tín chỉ/học kỳ (không tính số tín chỉ các học phần đã được hoãn thi trong kỳ xét học bổng), trừ học kỳ sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp thì không bị ràng buộc bởi quy định tối thiểu này. Đối với sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp, điểm để xét học bổng KKHT là TBCHT tại kỳ xét bao gồm cả học phần tốt nghiệp.

- Sinh viên thuộc một trong các đối tượng: Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật; Sinh viên không có nguồn nuôi dưỡng; Sinh viên có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ; Sinh viên ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; Sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo; Sinh viên thuộc diện gia đình chính sách, con thương binh, con bệnh binh, con của nạn nhân nhiễm chất độc hóa học; Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương...

Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xét chọn học bổng KKHT quyết định.

Mức học bổng C được Trường quy định cụ thể cho từng năm học trên cơ sở đề xuất của Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quản lý Đào tạo và các đơn vị liên quan.

d) Học bổng trong dịp Tết Nguyên đán dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt (Học bổng D)

Ngoài đáp ứng các điều kiện chung, sinh viên thuộc diện được xét học bổng D phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật; Sinh viên không có nguồn nuôi dưỡng; Sinh viên có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ; Sinh viên ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; Sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo;

Sinh viên thuộc diện gia đình chính sách, con thương binh, con bệnh binh, con của nạn nhân nhiễm chất độc hóa học; Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn...

- Có điểm TBCHT trong học kỳ xét (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) đạt từ 7,0/10 trở lên.

Tại thời điểm xét học bổng, nếu chưa có đánh giá kết quả rèn luyện của kỳ xét học bổng thì sử dụng đánh giá kết quả rèn luyện của học kỳ liền trước học kỳ xét học bổng làm căn cứ xét học bổng D, sinh viên thuộc đối tượng xét học bổng D phải có đánh giá kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên.

Đối với sinh viên năm thứ nhất, căn cứ vào điểm TBCHT tại kỳ xét học bổng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) để xét học bổng, trường hợp tại thời điểm xét chọn nếu chưa có điểm TBCHT tại kỳ xét học bổng thì căn cứ vào điểm trúng tuyển/xét tuyển sinh đầu vào đại học làm căn cứ xét chọn.

Đối với sinh viên đang thực hiện học phần tốt nghiệp, nếu chưa có điểm khóa luận tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp thì căn cứ vào TBCHT tại kỳ xét (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) để xét học bổng, trường hợp nếu sinh viên đã hoàn thành hết các học phần và đang thực hiện khóa luận tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp thì căn cứ vào điểm TBC tích lũy (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) để xét học bổng.

Mức học bổng D được Trường quy định cụ thể cho từng năm học trên cơ sở đề xuất của Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quản lý Đào tạo và các đơn vị liên quan.

Điều 7. Cơ chế thực hiện

1. Xác định số tiền phân bổ cho quỹ học bổng KKHT cho năm học và cho từng cơ sở

Quỹ học bổng KKHT được trích chiếm 8% tổng nguồn thu học phí dự kiến trong năm học của các chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy. Nguồn thu học phí trong năm học được xác định bằng nguồn thu học phí học kỳ I cộng với dự kiến nguồn thu học phí học kỳ II. Việc trích quỹ học bổng KKHT cho toàn trường và cho Trụ sở chính Hà Nội, Cơ sở II TP Hồ Chí Minh, Cơ sở Quảng Ninh được Phòng Kế hoạch Tài chính thực hiện vào tháng 1 hàng năm. Đến hết năm tài chính, nếu tổng trích quỹ học bổng dự kiến chưa đủ 8% tổng nguồn thu học phí thực tế, Trường thực hiện trích bổ sung cho quỹ học bổng KKHT của năm học tiếp theo.

Phòng/Ban Kế hoạch - Tài chính xác định số tiền phân bổ cho quỹ học bổng KKHT của từng chương trình đào tạo (chương trình tiêu chuẩn, chương trình chất lượng cao/định hướng nghề nghiệp quốc tế/định hướng phát triển quốc tế và chương trình tiên tiến) cho từng năm học. Phòng/Ban Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Phòng/Ban Quản lý Đào tạo và các đơn vị liên quan trình Hiệu trưởng ra quyết định về số tiền cho mỗi mức học bổng.

2. Các bước xác định số tiền cho từng loại học bổng

a) Bước 1: Phòng/Ban Quản lý đào tạo xác định số tiền phân bổ cho từng loại học bổng A, B, C, D.

- Phòng/Ban Quản lý Đào tạo xác định số tiền học bổng loại B, C, D như sau:

+ Số tiền phân bổ cho học bổng B tương ứng 3% tổng trích quỹ học bổng KKHT của Trụ sở chính Hà Nội và từng cơ sở.

+ Số tiền phân bổ cho Học bổng C tương ứng 7% tổng trích quỹ học bổng KKHT của Trụ sở chính Hà Nội và từng cơ sở.

+ Số tiền phân bổ cho Học bổng D tương ứng 3% tổng trích quỹ học bổng KKHT của Trụ sở chính Hà Nội và từng cơ sở.

Trong trường hợp cần thiết, nếu tổng mức chi đề xuất cho học bổng B, C, D vượt quá số phân bổ, Phòng/Ban Quản lý Đào tạo phối hợp với Phòng/Ban Kế hoạch Tài chính và các đơn vị liên quan trình Hiệu trưởng phê duyệt phương án xin cấp bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sinh viên.

- Phòng/Ban Quản lý Đào tạo xác định số tiền học bổng A cho từng chương trình trên cơ sở lấy số tiền học bổng KKHT của từng chương trình trừ đi số tiền học bổng B, C, D đã phân bổ cho chương trình đó (không bao gồm phần bổ sung cho học bổng B, C, D).

b) Bước 2: Phân bổ Học bổng A cho từng chương trình đào tạo theo khóa để xét học bổng theo quy định trên cơ sở mức tiền học bổng áp dụng cho từng năm học được Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Tổ chức xét chọn từng loại học bổng cho sinh viên

a) Học bổng A

Phòng/Ban Quản lý Đào tạo tiến hành xét chọn học bổng A của từng chương trình đào tạo, từng khóa căn cứ vào số tiền học bổng KKHT đã được phân bổ, kết

quả học tập và đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên. Việc xét học bổng theo thứ tự từ xếp mức học bổng Xuất sắc tới xếp mức học bổng Giỏi, tới xếp mức học bổng Khá cho đến khi hết số tiền được phân bổ cho học bổng A của từng chương trình đào tạo, từng khoá, cụ thể như sau:

- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT học kỳ bằng nhau thì căn cứ vào điểm đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên tại kỳ xét để lựa chọn;
- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT học kỳ và điểm rèn luyện bằng nhau thì căn cứ vào điểm TBCHT tích lũy tại kỳ xét của sinh viên để lựa chọn;
- Trường hợp có nhiều sinh viên có điểm TBCHT học kỳ, điểm đánh giá kết quả rèn luyện và TBCHT tích lũy tại kỳ xét bằng nhau, nếu số tiền phân bổ cho chương trình đào tạo không đủ cho các sinh viên đó thì xét chọn dừng lại ở sinh viên có mức học bổng cao hơn liền phía trên.

Số tiền dư do không đủ 01 suất học bổng của các chương trình đào tạo sẽ được cộng lại để xét cho sinh viên có điểm TBCHT cao nhất trong số các sinh viên còn lại đủ điều kiện (so sánh tất cả các chương trình đào tạo của tất cả các khóa xét với nhau).

Sau khi có danh sách sinh viên dự kiến được nhận học bổng KKHT, Phòng/Ban Quản lý Đào tạo đăng tải danh sách sinh viên dự kiến nhận học bổng KKHT lên website của Phòng/Ban Quản lý Đào tạo để sinh viên kiểm tra trong vòng 07 ngày (kể cả thứ 7, Chủ nhật); tiếp theo Phòng/Ban Quản lý Đào tạo trình Hội đồng xét chọn học bổng KKHT thông qua danh sách chính thức và trình Hiệu trưởng/Giám đốc cơ sở ra quyết định.

b) Học bổng B

- Học bổng B1

Phòng Quản lý Đào tạo thực hiện rà soát dữ liệu tuyển sinh để xác định các đối tượng đủ điều kiện xét học bổng B1, căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên để trình Hội đồng xét chọn học bổng tại Trụ sở chính Hà Nội thông qua và trình Hiệu trưởng ra quyết định.

Việc xét duy trì học bổng này của các sinh viên trên trong các năm học tiếp theo, do Phòng/Ban Quản lý Đào tạo thực hiện và trình Hiệu trưởng/Giám đốc cơ sở ra quyết định.

- Học bổng B2

Phòng Quản lý Đào tạo thực hiện rà soát dữ liệu tuyển sinh để xác định các đối tượng đủ điều kiện xét học bổng B2, căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên để trình Hội đồng xét chọn học bổng thông qua và trình Hiệu trưởng ra quyết định.

- Học bổng B3

Phòng/Ban Quản lý Đào tạo thực hiện rà soát dữ liệu tuyển sinh để xác định các đối tượng đủ điều kiện xét học bổng B3, căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên để trình Hội đồng xét chọn học bổng tại Trụ sở chính Hà Nội và/hoặc các cơ sở thông qua và trình Hiệu trưởng/Giám đốc cơ sở ra quyết định.

- Học bổng B4

Căn cứ vào kết quả học tập chuẩn toàn khóa bao gồm sinh viên tốt nghiệp theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa, sinh viên tốt nghiệp sớm theo thang điểm 4 và

đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên, Phòng/Ban Quản lý Đào tạo đề xuất danh sách để trình Hội đồng xét chọn học bổng tại Trụ sở chính Hà Nội hoặc các cơ sở thông qua và trình Hiệu trưởng/Giám đốc cơ sở ra quyết định.

c) Học bổng C

Phòng/Ban Quản lý Đào tạo tiến hành xét chọn học bổng C căn cứ vào số tiền học bổng đã được phân bổ, kết quả học tập và đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên. Việc xét học bổng theo thứ tự từ xếp mức học bổng Xuất sắc tới xếp mức học bổng Giỏi, tới xếp mức học bổng Khá cho đến khi hết số tiền được phân bổ cho học bổng C, cụ thể như sau:

- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT học kỳ bằng nhau thì căn cứ vào điểm rèn luyện của sinh viên tại kỳ xét để lựa chọn;
- Trường hợp nếu sinh viên có điểm TBCHT học kỳ và điểm đánh giá kết quả rèn luyện bằng nhau thì căn cứ vào điểm TBCHT tích lũy tại kỳ xét của sinh viên để lựa chọn;
- Trường hợp có nhiều sinh viên có điểm TBCHT học kỳ, điểm đánh giá kết quả rèn luyện và TBCHT tích lũy tại kỳ xét bằng nhau, nếu số tiền phân bổ không đủ cho các sinh viên đó thì việc xét chọn dừng lại ở sinh viên có mức học bổng cao hơn liên phía trên.

Tiếp theo Phòng/Ban Quản lý Đào tạo trình Hội đồng xét chọn học bổng KKHT thông qua danh sách và trình Hiệu trưởng/Giám đốc cơ sở ra quyết định.

d) Học bổng D

Phòng/Ban Quản lý Đào tạo tiến hành xét chọn học bổng D căn cứ vào số tiền học bổng đã được phân bổ, kết quả học tập và đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Phòng/Ban Quản lý Đào tạo trình Hội đồng xét chọn học bổng tại Trụ sở chính Hà Nội hoặc các cơ sở thông qua và trình Hiệu trưởng/Giám đốc cơ sở ra quyết định.

Số dư của tất cả các loại học bổng trong học kỳ sẽ được chuyển vào học bổng loại A, nếu vẫn còn số dư từ học bổng loại A thì số dư này sẽ được chuyển từ học kỳ 1 sang học kỳ 2 của cùng năm học.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ KINH PHÍ HỌC TẬP

Điều 8. Đối tượng và mức miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

1. Đối tượng được miễn học phí

a) Sinh viên là thân nhân (vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi) của người có công với cách mạng (liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học...) theo quy định của pháp luật.

b) Sinh viên khuyết tật.

c) Sinh viên (tuổi từ 16 đến 22) học đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;

- Mồ côi cả cha và mẹ;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người con lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d) Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

e) Sinh viên người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ, hoặc cả cha và mẹ, hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

f) Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (*Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ*) quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

Mức hỗ trợ: Miễn 100% học phí theo quy định của Nhà trường.

2. Đối tượng được giảm học phí

Các đối tượng được giảm 70% học phí: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Các đối tượng được giảm 50% học phí: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

3. Hỗ trợ chi phí học tập

a) Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ và mức hỗ trợ

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo (được chính quyền địa phương xác nhận thuộc đối tượng trên tại thời điểm thuộc học kỳ xét). Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người, đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ (được chính quyền địa phương xác nhận thuộc đối tượng trên tại thời điểm thuộc học kỳ xét). Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 100% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

Không áp dụng đối với sinh viên: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

4. Quy định về dừng cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập

Sinh viên bị dừng cấp kinh phí hỗ trợ học tập khi vi phạm một trong những điều sau:

a) Sinh viên bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì cơ sở giáo dục đại học công lập dừng thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập vào kỳ học tiếp theo.

b) Sinh viên bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ, trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bị đình chỉ học tập thì cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện khấu trừ số tiền tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào kỳ học tiếp theo sau khi sinh viên nhập học lại.

Điều 9. Cơ chế thực hiện

1. Miễn giảm học phí

a) Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại Trường, trừ trường hợp có những thay đổi về điều kiện miễn hoặc giảm học phí.

b) Căn cứ vào hồ sơ xin miễn giảm học phí của sinh viên và quy định về miễn giảm học phí hiện hành của Nhà nước và Nhà trường, Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên tổng hợp danh sách trình Hội đồng xét duyệt và Hội đồng xét duyệt trình Hiệu trưởng ra quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên.

c) Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên quy định chi tiết trình tự, thủ tục xin miễn giảm học phí cho sinh viên và thông báo về trình tự, thủ tục xin miễn giảm học phí cho sinh viên.

2. Hỗ trợ chi phí học tập

a) Hỗ trợ chi phí học tập sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại Trường, trừ trường hợp có những thay đổi về điều kiện được nhận khoản hỗ trợ.

b) Căn cứ vào hồ sơ xin hỗ trợ chi phí học tập của sinh viên và quy định về hỗ trợ kinh phí học tập của Nhà nước và Nhà trường, Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên tổng hợp danh sách trình Hội đồng xét duyệt và Hội đồng xét duyệt trình Hiệu trưởng ra quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên.

c) Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xin hỗ trợ chi phí cho sinh viên và thông báo cho sinh viên.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CUỘC THI CHUYÊN MÔN

Điều 10. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và cuộc thi chuyên môn của sinh viên được hỗ trợ, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện

1. Các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học của Trường

a) *Đối tượng:* Các cuộc thi sinh viên NCKH dành cho sinh viên bao gồm:

- Cuộc thi sinh viên NCKH của đơn vị/Vòng Sơ khảo Cuộc thi sinh viên NCKH cấp Trường (không quá 02 cuộc thi/đơn vị/năm)

- Cuộc thi sinh viên NCKH của Trường/Vòng Chung khảo Cuộc thi sinh viên NCKH cấp Trường (không quá 04 cuộc thi/năm)

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Nhà trường hỗ trợ kinh phí tổ chức cuộc thi sinh viên NCKH dựa trên dự toán kinh phí được duyệt.

Kinh phí nêu trên nhằm hỗ trợ cho các khoản chi phí tổ chức các cuộc thi như: Chi phí tập huấn, đào tạo về NCKH, hỗ trợ sinh viên có công trình nghiên cứu tham dự, thù lao chấm công trình, chi phí họp ban tổ chức cuộc thi, chi thù lao hướng dẫn sinh viên, khen thưởng sinh viên đạt giải, chi phí văn phòng phẩm, nước uống, teabreak và các khoản chi khác phục vụ tổ chức cuộc thi.

Định mức các khoản chi cho các cuộc thi sinh viên NCKH căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Phòng Quản lý Khoa học và các đơn vị đầu mối thực hiện thanh quyết toán khoản hỗ trợ này cho sinh viên.

2. Các cuộc thi chuyên môn trong Trường

a) *Đối tượng:* Mỗi CLB hoặc đơn vị chuyên môn trong Trường được tổ chức tối đa 02 cuộc thi chuyên môn một năm. Nhà trường khuyến khích các CLB/Đơn vị tìm kiếm nguồn tài trợ ngoài Trường cho các cuộc thi chuyên môn và nêu rõ các nguồn tài trợ dự kiến trong đề xuất tổ chức. Tỷ lệ kinh phí cuộc thi được tài trợ từ nguồn ngoài Trường là một trong những căn cứ quan trọng để Nhà trường đánh giá hiệu quả hoạt động và lựa chọn CLB/Đơn vị chủ trì tổ chức cuộc thi chuyên môn.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Nhà trường hỗ trợ kinh phí tổ chức cuộc thi chuyên môn dựa trên nội dung cuộc thi và dự toán kinh phí do CLB hoặc đơn vị chuyên môn đề xuất và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

Kinh phí hỗ trợ nêu trên nhằm tài trợ cho các khoản chi phí tổ chức cuộc thi bao gồm: chi phí tiền công, tiền thưởng, thanh toán dịch vụ công cộng, mua sắm vật tư, chi phí thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi phí hội nghị, chi phí đi lại, công tác phí, chi phí thuê mượn... Định mức các khoản chi cho các cuộc thi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định.

CLB/Đơn vị tổ chức được lựa chọn có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

3. Các cuộc thi chuyên môn, cuộc thi nghiên cứu khoa học ngoài Trường

a) *Đối tượng*: Sinh viên tham gia các cuộc thi chuyên môn/cuộc thi NCKH các cấp ngoài Trường do Nhà trường cử đi. Nhà trường tài trợ cho các khoản chi mà sinh viên chưa được tài trợ từ các nguồn khác.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô, địa điểm tổ chức của từng cuộc thi, trên cơ sở đề xuất của đơn vị chuyên môn hoặc Phòng Quản lý Khoa học. Cụ thể, Phòng Quản lý Khoa học và/hoặc các đơn vị đề xuất việc cử sinh viên tham gia các cuộc thi NCKH, các cuộc thi chuyên môn ngoài Trường.

Định mức các khoản chi cho các cuộc thi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Các dự án phục vụ hoạt động của Nhà trường

a) *Đối tượng*: Các dự án phục vụ mục tiêu và chiến lược phát triển của Trường do Nhà trường đặt hàng hoặc do các CLB/Đơn vị đề xuất được Nhà trường lựa chọn. Nhà trường khuyến khích các CLB/Đơn vị tìm kiếm nguồn tài trợ ngoài Trường cho các dự án và nêu rõ các nguồn tài trợ dự kiến trong đề xuất dự án. Tỷ lệ kinh phí cuộc thi được tài trợ từ nguồn ngoài Trường là một trong những căn cứ quan trọng để Nhà trường đánh giá hiệu quả hoạt động và lựa chọn CLB/Đơn vị chủ trì thực hiện dự án.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*:

Kinh phí của Nhà trường tài trợ cho các dự án được chia làm 04 mức phụ thuộc vào quy mô và đặc điểm của từng dự án:

- Mức A là những dự án đặc biệt, có quy mô lớn, sáng tạo, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của Nhà trường, có phạm vi ảnh hưởng tới cộng đồng và xã hội: kinh phí do Hiệu trưởng quyết định.

- Mức B là những dự án có quy mô lớn, có sự tham gia của sinh viên của nhiều Đơn vị, có ý nghĩa đối với sự phát triển của toàn Trường: tối đa **100.000.000đ** (Một trăm triệu đồng)/dự án.

- Mức C là những dự án có quy mô vừa, có sự tham gia của nhiều sinh viên của một Đơn vị trong Trường, có ý nghĩa đối với sự phát triển của nhiều Đơn vị trong Trường: tối đa **50.000.000đ** (Năm mươi triệu đồng)/dự án.

- Mức D là những dự án có quy mô nhỏ, có ý nghĩa đối với sự phát triển của một hoặc nhiều Đơn vị trong Trường: tối đa **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng)/dự án.

Nhà trường sẽ thành lập hội đồng đánh giá dự án để lựa chọn các dự án phù hợp nhất và xác định mức kinh phí hỗ trợ đối với từng dự án trên cơ sở các mức hỗ trợ

nêu trên và trình Hiệu trưởng ra quyết định. Tiêu chí lựa chọn dự án sẽ phụ thuộc vào yêu cầu mục tiêu cụ thể của từng đề xuất dự án.

CLB/Đơn vị có dự án được lựa chọn có trách nhiệm lập dự toán sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường, làm cơ sở tạm ứng kinh phí được hỗ trợ và thực hiện quyết toán số kinh phí được hỗ trợ căn cứ trên chứng từ chi tiêu thực tế. Thời điểm quyết toán: trong vòng 05 ngày sau khi kết thúc dự án.

Kinh phí hỗ trợ dự án nhằm tài trợ cho các khoản chi phí thực hiện dự án bao gồm: chi phí tiền công, tiền thưởng, thanh toán dịch vụ công cộng, mua sắm vật tư, chi phí thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi phí hội nghị, công tác phí, chi phí khảo sát, điều tra, chi phí thuê mượn... Định mức các khoản chi cho các cuộc thi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. CLB/Đơn vị có dự án được lựa chọn có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Các đề tài cấp cơ sở

a) *Đối tượng*: Đề tài cấp cơ sở do sinh viên là chủ nhiệm, tuân thủ theo các quy định hiện hành của đề tài cấp cơ sở.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Mức hỗ trợ sẽ căn cứ vào mức kinh phí chi cho các đề tài cấp cơ sở theo các quy định hiện hành và được trích từ nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên. Cơ chế thực hiện tuân thủ theo các quy định hiện hành của đề tài cấp cơ sở.

6. Các chuyên đề nghiên cứu do sinh viên thực hiện

a) *Đối tượng*: Chuyên đề nghiên cứu do sinh viên là chủ nhiệm, tuân thủ theo các quy định hiện hành của chuyên đề nghiên cứu.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Mức hỗ trợ tùy thuộc vào nội dung và phạm vi nghiên cứu của chuyên đề nhưng không vượt quá mức kinh phí chi cho đề tài cấp cơ sở. Phòng Quản lý Khoa học đề xuất trình Hiệu trưởng quyết định mức chi cho từng chuyên đề nghiên cứu cụ thể.

7. Nâng cấp bài viết Working Paper Series

a) *Đối tượng*: Các bài viết Working Paper Series có chất lượng tốt, có khả năng nâng cấp thành các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí có uy tín trong nước (thuộc danh mục Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm) và ngoài nước (thuộc danh mục ISI/Scopus do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín theo quy định của Quỹ Nafosted công bố).

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Đối với các bài viết được nâng cấp và được đăng trên các tạp chí trong nước (bằng tiếng Việt), Nhà trường sẽ chi hỗ trợ với mức không vượt quá mức chi hỗ trợ cho các bài viết được đăng trên các tạp chí trong nước (bằng tiếng Việt) của Trường theo các quy định hiện hành.

Đối với các bài viết được nâng cấp và được đăng tải trên các tạp chí trong nước chưa thuộc danh mục WoS/Scopus (bằng tiếng Anh), Nhà trường sẽ chi hỗ trợ với mức không vượt quá mức chi hỗ trợ cho các bài viết được đăng trên các tạp chí trong nước (bằng tiếng Anh) của Trường theo các quy định hiện hành.

Đối với bài viết được nâng cấp và được đăng trên các tạp chí/chương sách quốc tế, Nhà trường sẽ chi hỗ trợ theo định mức thưởng bài báo/chương sách trong Quy

chế chi tiêu nội bộ (điều kiện và mức thưởng áp dụng cho các tạp chí/chương sách quốc tế). Việc chi thưởng cho sinh viên được tính và thực hiện như áp dụng cho giảng viên.

8. Phát triển tiềm lực khoa học công nghệ cho sinh viên

a) Đối tượng:

- Tài sản trí tuệ, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị nhằm hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ KHCN của sinh viên.

- Các hội nghị, hội thảo, khóa học đào tạo về phương pháp, kiến thức, kỹ năng nghiên cứu cho sinh viên và các hoạt động bổ trợ khác nhằm phát triển năng lực NCKH của sinh viên.

b) Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:

- Đối với dự án đầu tư cơ sở dữ liệu, trang thiết bị phục vụ NCKH cho sinh viên: Nhà trường hỗ trợ 100% chi phí đầu tư trên cơ sở dự án đề xuất và dự toán của đơn vị chủ trì được Hiệu trưởng phê duyệt.

- Đối với hội nghị, hội thảo, khóa học đào tạo phương pháp, năng lực nghiên cứu cho sinh viên và các hoạt động bổ trợ khác: Nhà trường hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hoạt động dựa trên đề xuất và dự toán của đơn vị chủ trì được Hiệu trưởng phê duyệt. Định mức các khoản chi cho các hoạt động trên căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ QUỸ HỌC BỔNG FTU-MABUCHI

Điều 11. Đối tượng và mức hỗ trợ

1. Đối tượng nhận hỗ trợ

Sinh viên đại học hình thức đào tạo chính quy Trường đại học Ngoại thương có hoàn cảnh khó khăn.

2. Mức học bổng cho vay

Sinh viên được vay hàng tháng trong tối đa 04 năm học (10 tháng/năm học). Mức vay hàng tháng căn cứ vào thỏa thuận giữa Tài đoàn học bổng quốc tế Mabuchi và Trường Đại học Ngoại thương. Lãi suất khoản vay là 0% trong suốt thời gian vay và tối đa 48 tháng sau khi tốt nghiệp.

Mức học bổng cho vay hiện hành: **2.000.000đ** (Hai triệu đồng)/sinh viên/tháng trong tối đa 4 năm học (10 tháng/năm), tối đa **80.000.000đ** (Tám mươi triệu đồng)/4 năm học.

Điều 12. Cơ chế thực hiện

1. Thời gian cho vay: Cho vay hàng tháng trong tối đa 04 năm học tại Trường.

2. Thời hạn trả nợ: Sinh viên bắt đầu trả nợ sau 03 tháng kể từ khi tốt nghiệp ra trường và trả dần cho đến hết trong vòng 48 tháng (nếu quá thời hạn 48 tháng sau khi tốt nghiệp, số tiền thực vay còn lại sẽ bị tính lãi suất 15%/năm). Sinh viên được khuyến khích trả nợ trước thời hạn nêu trên.

3. Các điều kiện, mức học bổng cho vay và điều khoản vay trên đây có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận của Quỹ học bổng FTU-Mabuchi giữa Trường Đại học Ngoại thương và Tài đoàn học bổng Mabuchi qua từng thời kỳ.

4. Việc cấp học bổng cho vay FTU-Mabuchi sẽ được thực hiện trong suốt thời gian sinh viên học tập tại Trường, trừ trường hợp sinh viên có đơn xin dừng cấp học bổng.

5. Căn cứ vào hồ sơ xin cấp học bổng cho vay FTU-Mabuchi vào đầu năm học, Ban Quản lý Quỹ học bổng FTU-Mabuchi xét duyệt và trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách sinh viên được nhận học bổng.

6. Căn cứ vào danh sách sinh viên được nhận học bổng đã được phê duyệt, sinh viên ký kết hợp đồng tín dụng với Nhà trường để vay tiền với mục đích sử dụng cho việc học tập tại Trường. Ban quản lý quỹ học bổng FTU-Mabuchi tiến hành thanh toán học bổng cho vay cho sinh viên định kỳ hàng tháng.

7. Ban Quản lý Quỹ học bổng FTU-Mabuchi có trách nhiệm thông báo về Quỹ học bổng cho vay FTU-Mabuchi và hướng dẫn trình tự, thủ tục hồ sơ xin xét học bổng cho các sinh viên.

8. Sinh viên phải nộp báo cáo định kỳ về kết quả học tập và rèn luyện cho Ban quản lý quỹ FTU-Mabuchi 02 lần/năm học. Sinh viên bị buộc thôi học, cảnh báo kết quả học tập, ... không được tiếp tục vay vốn. Sinh viên/Người bảo lãnh căn cứ trên hợp đồng tín dụng đã ký kết phải có trách nhiệm hoàn trả đủ số tiền đã được cấp cho vay.

Chương VI

QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN

Điều 13. Đối tượng, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện đối với hoạt động khởi nghiệp của sinh viên

1. Các cuộc thi khởi nghiệp cấp quốc gia hoặc cấp quốc tế

a) *Đối tượng:* Sinh viên tham gia các cuộc thi khởi nghiệp cấp quốc gia hoặc cấp quốc tế do Nhà trường cử tham dự.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô, địa điểm tổ chức của từng cuộc thi, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị chức năng và/hoặc Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo FTU (FIIS).

Kinh phí hỗ trợ nêu trên nhằm tài trợ cho các khoản chi phí phát triển dự án và tham gia cuộc thi bao gồm: chi phí xây dựng gian hàng, chi phí làm sản phẩm mẫu, phí đăng ký, chi phí ăn ở, chi phí đi lại, công tác phí, chi phí thuê mướn, phí visa (nếu có),...

Định mức các khoản chi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Chương trình ươm tạo khởi nghiệp dành cho sinh viên

a) *Đối tượng:* Sinh viên tham gia các dự án khởi nghiệp được lựa chọn vào các chương trình ươm tạo của Trường. Nhà trường khuyến khích sinh viên tìm kiếm nguồn tài trợ ngoài Trường cho các dự án.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô của từng chương trình ươm tạo trên cơ sở đề xuất

của Trung tâm FIIS. Định mức các khoản chi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định.

3. Triển khai các dự án khởi nghiệp do sinh viên sáng lập

a) *Đối tượng*: Hoạt động triển khai các dự án khởi nghiệp do sinh viên là người sáng lập và được hội đồng đánh giá lựa chọn. Nhà trường khuyến khích sinh viên tìm kiếm nguồn tài trợ ngoài Trường để triển khai dự án.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*:

Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô của từng dự án và dựa trên dự toán kinh phí được duyệt.

Nhà trường sẽ thành lập hội đồng đánh giá dự án để lựa chọn các dự án khởi nghiệp phù hợp nhất và xác định mức kinh phí hỗ trợ đối với từng dự án. Tiêu chí lựa chọn dự án sẽ phụ thuộc vào yêu cầu mục tiêu cụ thể và mức độ khả thi của từng đề xuất triển khai.

Sinh viên có dự án được lựa chọn có trách nhiệm lập dự toán sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường, làm cơ sở tạm ứng kinh phí được hỗ trợ và thực hiện quyết toán số kinh phí được hỗ trợ căn cứ trên chứng từ chi tiêu thực tế. Trung tâm FIIS là đầu mối thực hiện các hoạt động thanh quyết toán khoản hỗ trợ này cho sinh viên. Thời điểm quyết toán: trong vòng 05 ngày sau khi kết thúc dự án.

Kinh phí hỗ trợ dự án nhằm tài trợ cho các khoản chi phí để triển khai dự án khởi nghiệp bao gồm: chi phí mua sắm vật tư, chi phí thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi phí hội nghị, công tác phí, chi phí khảo sát, điều tra, chi phí thuê mướn... Định mức các khoản chi để triển khai dự án khởi nghiệp căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có dự án được lựa chọn có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 14. Đối tượng, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện đối với hoạt động đổi mới sáng tạo của sinh viên

a) *Đối tượng*: Sinh viên có các ý tưởng và dự án mang lại giải pháp cho các vấn đề thách thức, bất cập trong và ngoài Trường và được hội đồng đánh giá hoạt động đổi mới sáng tạo lựa chọn.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô của từng dự án đổi mới sáng tạo trên cơ sở đề xuất của đơn vị chức năng (Trung tâm FIIS, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên).

Nhà trường sẽ thành lập hội đồng đánh giá để lựa chọn các dự án đổi mới sáng tạo phù hợp nhất và xác định mức kinh phí hỗ trợ đối với từng dự án. Tiêu chí lựa chọn sẽ phụ thuộc vào mục tiêu cụ thể và mức độ khả thi của từng đề xuất dự án.

Sinh viên có dự án được lựa chọn có trách nhiệm lập dự toán sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường, làm cơ sở tạm ứng kinh phí được hỗ trợ và thực hiện quyết toán số kinh phí được hỗ trợ căn cứ trên chứng từ chi tiêu thực tế. Các đơn vị chức năng (Trung tâm FIIS, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên) là đầu mối thực hiện các hoạt động thanh quyết toán khoản hỗ trợ này cho sinh viên. Thời điểm quyết toán: trong vòng 05 ngày sau khi kết thúc dự án.

Định mức các khoản chi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có ý tưởng và dự án được lựa chọn có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 15. Đối tượng, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện đối với hoạt động đào tạo nâng cao năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên

a) *Đối tượng*: Sinh viên tham gia các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Nhà trường hỗ trợ kinh phí ở mức phù hợp với tính chất, đặc điểm, quy mô của từng hoạt động đào tạo trên cơ sở đề xuất của đơn vị chức năng (Trung tâm FIIS, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên).

Định mức các khoản chi căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Chương VII

QUY ĐỊNH VỀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC DÀNH CHO SINH VIÊN

Điều 16. Đối tượng, mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện

1. Ưu tiên bố trí chỗ ở ký túc xá và miễn giảm lệ phí ký túc xá cho sinh viên thuộc diện chính sách và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

a) *Đối tượng*: Sinh viên thuộc diện chính sách và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo, cận nghèo) được ưu tiên bố trí chỗ ở ký túc xá (KTX) của nhà trường nếu có nhu cầu.

b) *Điều kiện được hưởng ưu tiên*: Căn cứ vào minh chứng chứng minh sinh viên thuộc diện chính sách hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo, cận nghèo) và đơn xin đăng ký ở KTX, Ban Quản lý KTX xem xét và sắp xếp chỗ ở cho sinh viên trên nguyên tắc việc bố trí chỗ ở ký túc xá phải được xét lần lượt hết các đối tượng ưu tiên, còn lại mới sắp xếp cho các đối tượng không thuộc diện ưu tiên.

c) *Mức hỗ trợ*: Mức lệ phí KTX dành cho đối tượng thuộc diện ưu tiên bằng 50% mức lệ phí dành cho sinh viên không thuộc đối tượng ưu tiên trong năm đầu tiên. Kể từ năm thứ 2, sinh viên thuộc diện ưu tiên phải đóng lệ phí KTX tương đương mức lệ phí dành cho đối tượng không thuộc diện ưu tiên.

2. Hỗ trợ tài chính cho sinh viên trong các trường hợp khó khăn đột xuất (không phụ thuộc vào kết quả học tập)

a) *Đối tượng*: sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đột xuất được Nhà trường xem xét từng trường hợp cụ thể như mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn và một số trường hợp đặc biệt khác.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện*: Hiệu trưởng quyết định mức hỗ trợ cho từng trường hợp cụ thể. Theo đề nghị của các đơn vị chức năng, Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định hỗ trợ từng trường hợp cụ thể trên tinh thần nhân văn, nhân đạo, hỗ trợ các em sinh viên trong hoàn cảnh khó khăn đột xuất.

3. Hỗ trợ chi phí hoạt động thường niên cho các câu lạc bộ sinh viên

a) *Đối tượng*: Tất cả các câu lạc bộ sinh viên (CLB) trong toàn trường.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Mỗi CLB sẽ được hỗ trợ mức kinh phí khoán **7.000.000đ** (Bảy triệu đồng)/năm học cho các chi phí đi lại, chi phí điện thoại phục vụ công tác của Chủ tịch và Phó Chủ tịch CLB, chi phí văn phòng phẩm, photo tài liệu và nước uống cho CLB, chi phí hoạt động và chi phí hành chính khác.

Các CLB được hoàn toàn chủ động sử dụng số tiền hỗ trợ nêu trên cho hoạt động hành chính của CLB nhưng phải đảm bảo chi tiêu đúng mục đích, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Đoàn thanh niên là đầu mối có trách nhiệm quyết toán kinh phí chi cho CLB với Nhà trường thông qua Phòng Kế hoạch – Tài chính.

4. Hỗ trợ chi phí hành chính cho Đoàn thanh niên

a) *Đối tượng:* Đoàn thanh niên (ĐTN) ở Trụ sở chính và 2 cơ sở

b) *Mức hỗ trợ hàng năm và cơ chế thực hiện:*

- ĐTN Trụ sở chính Hà nội: **50.000.000đ** (Năm mươi triệu đồng)/năm học

- ĐTN Cơ sở II TP.HCM: **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng)/năm học

- ĐTN Cơ sở Quảng Ninh: **10.000.000đ** (Mười triệu đồng)/năm học

Mức hỗ trợ nêu trên nhằm mục đích hỗ trợ chi phí hoạt động hành chính thường xuyên của ĐTN như tiền văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, nước uống, chi phí đi lại phục vụ công việc chung của ĐTN và các chi phí hành chính khác.

ĐTN được hoàn toàn chủ động sử dụng số tiền hỗ trợ nêu trên cho hoạt động hành chính của ĐTN nhưng phải đảm bảo chi tiêu đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và có trách nhiệm quyết toán với Nhà trường thông qua Phòng Kế hoạch – Tài chính căn cứ trên chứng từ chi tiêu thực tế.

5. Phụ cấp cho sinh viên là cán bộ Đoàn, cán bộ Hội sinh viên, chủ tịch CLB sinh viên, cán bộ lớp

a) *Đối tượng:* Sinh viên là cán bộ Đoàn, cán bộ Hội sinh viên, chủ tịch CLB sinh viên, cán bộ lớp, cụ thể: Sinh viên là ủy viên Ban chấp hành Đoàn, ủy viên Ban chấp hành Hội sinh viên, chi hội trưởng Chi hội sinh viên, chủ tịch Câu lạc bộ sinh viên do Trung tâm FIIS quản lý, bí thư Chi đoàn, lớp trưởng lớp hành chính.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Nhà trường quy định mức phụ cấp cho sinh viên là cán bộ Đoàn, cán bộ Hội sinh viên, cán bộ lớp cho từng năm học. Căn cứ vào mức phụ cấp quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ, văn phòng Đoàn Thanh niên có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện thủ tục chi trả khoản hỗ trợ cho các em sinh viên là cán bộ Đoàn, cán bộ Hội sinh viên, chủ tịch CLB sinh viên, cán bộ lớp hành chính theo quy định.

6. Hỗ trợ các hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên

a) *Đối tượng:* Các hoạt động phong trào của sinh viên do Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên chủ trì thực hiện, trừ những hoạt động về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại Chương VI của Quy định này. Các hoạt động phong trào được hỗ trợ gồm có: Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức pháp luật, phong trào học tập và NCKH, văn hóa, văn nghệ, thể thao, các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng (mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, đông ấm...), xây dựng văn minh Đại học Ngoại thương và các hoạt động phong trào khác.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ trì thực hiện và kế hoạch ngân sách hàng năm của đơn vị.

7. Hỗ trợ các hoạt động theo nhiệm vụ nhà trường giao

a) *Đối tượng:* Đơn vị/CLB được nhà trường giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định. Trên cơ sở nhiệm vụ do Nhà trường đề xuất, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên xây dựng đề án, chương trình hành động và dự toán kinh phí kèm theo trình Hiệu trưởng xét duyệt.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở dự toán được duyệt của đơn vị thực hiện.

8. Phần thưởng cho sinh viên đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong học tập, nghiên cứu và hoạt động phong trào

a) *Đối tượng:*

Sinh viên đạt giải cấp trường, cấp thành phố, cấp vùng miền, cấp quốc gia, cấp quốc tế ở tất cả các lĩnh vực.

b) *Mức thưởng và cơ chế thực hiện:* Mức thưởng cụ thể do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của các đơn vị chức năng.

9. Hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán cho sinh viên

a) *Đối tượng:*

Đối tượng được hưởng hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán tại điều này bao gồm tất cả sinh viên hình thức đào tạo chính quy nhưng không thuộc đối tượng được nhận học bổng KKHT trong dịp Tết Nguyên đán dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả tốt trong học tập quy định tại Điều 6 Chương II Quy định này.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:*

Mức hỗ trợ sẽ được Nhà trường quy định cụ thể theo từng năm học trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

Căn cứ vào danh sách sinh viên và mức hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Phòng Quản lý Đào tạo lập danh sách sinh viên được nhận tiền tết cho từng lớp trình Hiệu trưởng phê duyệt. Căn cứ vào danh sách được phê duyệt, Phòng Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm thực hiện thanh toán cho sinh viên khoản hỗ trợ này.

10. Hỗ trợ công tác hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, tư vấn việc làm cho sinh viên

a) *Đối tượng:* Các hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, tư vấn việc làm cho sinh viên. Cụ thể:

- Tư vấn, giới thiệu về ngành, chuyên ngành đào tạo, các buổi đào tạo, chia sẻ, nhằm định hướng nghề nghiệp cho sinh viên;
- Các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết sau khi tốt nghiệp;
- Các buổi định hướng đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa;
- Các buổi tham quan, thực tế tại doanh nghiệp;
- Tổ chức ngày hội tư vấn việc làm, kết nối giữa nhà tuyển dụng và sinh viên;
- Các hoạt động bổ trợ khác.

b) *Mức hỗ trợ và cơ chế thực hiện:* Tùy vào tình hình tài chính của Quỹ hỗ trợ sinh viên, Hiệu trưởng sẽ phê duyệt mức hỗ trợ cho từng hoạt động căn cứ trên tờ trình và dự toán kinh phí của từng hoạt động.

11. Hỗ trợ chuyên môn cho các CLB sinh viên

Tùy thuộc vào nội dung, mục tiêu hoạt động của từng CLB và căn cứ vào chuyên môn của các Viện/Khoa, các Viện/Khoa có trách nhiệm hỗ trợ miễn phí cho các CLB sinh viên về mặt chuyên môn trên tinh thần tạo điều kiện thuận lợi nhất để các em phát huy sự năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp thông qua các hoạt động ngoại khóa.

12. Hỗ trợ khác

Ngoài các khoản hỗ trợ nêu trên, Hiệu trưởng sẽ quyết định các khoản hỗ trợ khác cho sinh viên căn cứ theo nhu cầu thực tế, bao gồm cả việc hỗ trợ cho hoạt động ngoại khóa do Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên và đơn vị chuyên môn triển khai. Tuy nhiên, mục đích các khoản hỗ trợ này phải đảm bảo phục vụ cho hoạt động của Nhà trường nói chung và hỗ trợ hoạt động của sinh viên nói riêng.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Công khai danh sách sinh viên được nhận học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí học tập

Nhà trường thông báo công khai kết quả xét chọn và danh sách sinh viên được cấp học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí học tập trên SmartOffice, website và bảng tin sinh viên trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu phát học bổng, trợ cấp.

Điều 18. Trách nhiệm của các phòng ban

1. Trách nhiệm của Phòng Quản lý đào tạo

- a) Là đầu mối thông tin về các loại học bổng, chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí học tập cho sinh viên;
- b) Xác định số suất học bổng và tiến hành xét học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Quy định này;
- c) Trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách sinh viên được cấp học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí học tập;
- d) Phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai Quy định này.

2. Trách nhiệm của Phòng Quản lý Khoa học

- a) Xây dựng quy trình, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên NCKH;
- b) Phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai Quy định này.

3. Trách nhiệm của Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên

- a) Phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo quy định chi tiết trình tự làm thủ tục miễn giảm học phí cho sinh viên và thông báo về trình tự, thủ tục xin miễn giảm học phí cho sinh viên chậm nhất 01 tháng sau khi sinh viên tiến hành nhập học;
- b) Xét và lập hồ sơ đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng sinh viên trong hoạt động phong trào, thể dục thể thao, học tập và rèn luyện;
- c) Phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai Quy định này.

4. Trách nhiệm của Đoàn Thanh niên

- a) Là đầu mối xây dựng, tập hợp các kế hoạch, đề xuất, chương trình hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và của các CLB sinh viên.

b) Là đơn vị thường trực triển khai các kế hoạch hoạt động phong trào đã được Nhà trường phê duyệt.

c) Phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai Quy định này.

5. Trách nhiệm của Trung tâm FIIS

a) Là đầu mối xây dựng, tập hợp các kế hoạch, đề xuất, thành lập hội đồng đánh giá đối với các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của sinh viên.

b) Phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai Quy định này.

6. Trách nhiệm của Phòng Kế hoạch – Tài chính

a) Là đầu mối được Nhà trường giao điều phối việc sử dụng các quỹ hỗ trợ sinh viên trong toàn trường;

b) Trích lập và phân bổ các quỹ theo quy định;

c) Kiểm tra và trình Hiệu trưởng xét duyệt dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ sinh viên;

d) Kịp thời xét duyệt thanh quyết toán các khoản hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định tài chính hiện hành;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ tài chính đối với sinh viên;

g) Phối hợp với các đơn vị khác trong việc triển khai Quy định này.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Các đơn vị có trách nhiệm cụ thể hóa và ban hành hướng dẫn chi tiết về những vấn đề đơn vị mình phụ trách cho phù hợp với điều kiện thực tế, nhưng không được trái với Quy định này.

Điều 20. Quy định này được phổ biến cho tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và các đơn vị trong toàn trường được biết. Toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên và các đơn vị trong toàn trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này.

Điều 21. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị góp ý bằng văn bản gửi tới Ban Giám Hiệu (thông qua Phòng Kế hoạch - Tài chính) để xem xét, điều chỉnh hoặc bổ sung cho phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS Bùi Anh Tuấn